

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HOÀ BÌNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 479/2024/NQ-HĐND

Hoà Bình, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc
sử dụng kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa
trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 23

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 176/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Hoà Bình về ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy
định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí bảo vệ
và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban
kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và
việc sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến quản
lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất, bảo vệ đất
trồng lúa.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Số tiền thu từ người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định khoản 1, Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ được hỗ trợ, sử dụng cho mục đích bổ sung diện tích chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; hỗ trợ các địa phương sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa, áp dụng khoa học và công nghệ hiện đại.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh xác định diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ của từng địa phương để làm cơ sở hỗ trợ và giao dự toán.

2. Phạm vi hỗ trợ

Đất chuyên trồng lúa; đất trồng lúa còn lại (*trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa*); đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao thuộc vùng đất chuyên trồng lúa, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Nhiệm vụ chi và định mức hỗ trợ đối với nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

a) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần.

b) Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50% kinh phí và không quá 500 triệu đồng/giống; kinh phí còn lại do tổ chức, cá nhân được nhận quyền bảo hộ đối với giống lúa được hỗ trợ chi trả.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách huyện

a) Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa: Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa trong từng thời kỳ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chất lượng đất trồng lúa, kết quả đánh giá tính chất lý, hóa học và điều kiện thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập phương án trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt phương án cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa hoặc đất trồng lúa còn lại (*tăng độ dày tầng canh tác; tôn cao đất trồng lúa trung, thấp; tăng độ bằng phẳng mặt ruộng; thau chua đối với đất nhiễm phèn và các biện pháp cải tạo đất khác*) cho cả thời kỳ và từng năm.

b) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Để sử dụng giống lúa hợp pháp vào sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Ưu tiên hỗ trợ diện tích lúa thâm canh tập trung, sử dụng giống lúa chất lượng cao, áp dụng đồng bộ cơ giới hóa trong sản xuất.

Áp dụng các định mức chi tại Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình quy định nội dung chi, mức hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương cho các hoạt động khuyến

nông trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Nghị quyết số 401/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình sửa đổi một số điều của quy định kèm theo Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hòa Bình và các quy định khác có liên quan.

c) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

3. Định mức hỗ trợ

a) Sau khi bố trí cho các nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh tại khoản 1, Điều này, phần kinh phí còn lại hỗ trợ cho các huyện, thành phố theo tiêu chí diện tích được hỗ trợ tại khoản 2, Điều 2. Trong đó, trọng số đối với từng loại đất như sau: (1) đất chuyên trồng lúa trọng số 2; (2) đất trồng lúa còn lại trọng số 1 và (3) đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao thuộc vùng đất chuyên trồng lúa trọng số 3.

Kinh phí hỗ trợ cho từng địa phương được tính theo công thức như sau:

$$M_i = \frac{M}{2x(S1_i + S1_{i+1} + \dots) + S2_i + S2_{i+1} + \dots + 2x(S3_i + S3_{i+1} + \dots)} \times (2S1_i + S2_i + 2S3_i)$$

Trong đó:

- M là tổng kinh phí hỗ trợ cho các huyện, thành phố, M_i là kinh phí hỗ trợ cho địa phương thứ i.

- $S1_i$ là diện tích đất chuyên trồng lúa của địa phương thứ i.

- $S2_i$ là diện tích đất trồng lúa còn lại của địa phương thứ i.

- $S3_i$ là diện tích đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao thuộc vùng đất chuyên trồng lúa của địa phương thứ i.

b) Nhiệm vụ chi sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã được hỗ trợ tối đa không quá 70% số kinh phí của từng huyện, thành phố.

Điều 4. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết năm kế hoạch bao gồm nguồn do ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ và nguồn kinh phí thu tiền bảo vệ đất trồng lúa đã nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định khoản 1, Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ của liên kế năm trước năm kế hoạch.

2. Kinh phí thực hiện Nghị quyết này được hạch toán, quyết toán vào nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 5. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình và quyết định tỷ lệ điều tiết khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định được sửa đổi, bổ sung, thay thế theo quy định.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình Khoá XVII, Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2024./. *Bx*

Nơi nhận:

- UBTVQH;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; NN&PTNT; TN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP;
- LĐ VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT Tin học - Công báo VPUBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐ&CV các PCM thuộc VP;
- Lưu: VT, CTHĐND (T).

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình